

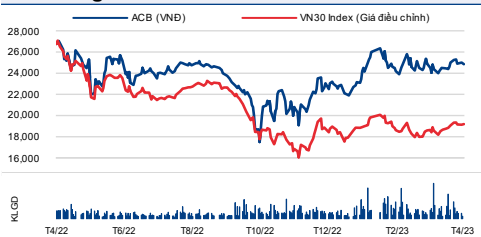
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ32,300
Tiềm năng tăng/giảm: 30.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (12/4/2023)	24,850
Mã Bloomberg	ACB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,500-27,040
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	24,933
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	83,929
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,581
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,377
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,013
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	30.0%
Tỷ lệ freefloat	85.0%
Cổ đông lớn	Quý Dragon Financial (6.92%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
Tổng tài sản (ntđ)	607,875	683,455	788,370
Dư nợ cho vay (ntđ)	413,706	475,762	547,127
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	28,790	33,303	37,630
Lợi nhuận thuần (ntđ)	13,688	16,071	17,987
BVPS (đồng)	17,303	22,009	27,276
EPS (đồng)	4,008	4,706	5,267
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	14.3	15.0	15.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	22.2	15.7	13.0
Tăng trưởng EPS (%)	43.2	17.4	11.9
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	26.5	24.2	21.6
ROAA (%)	2.41	2.49	2.44
Tỷ lệ NIM (%)	4.45	4.36	4.32
Tỷ lệ CIR (%)	40.3	36.0	34.1
Hệ số CAR (%)	12.8	12.9	13.0
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.74	0.95	1.05
LLR/nợ xấu (%)	159	113	105
Hệ số LDR (%)	99.9	105	104
P/B (lần)	1.44	1.13	0.91
P/E (lần)	6.20	5.28	4.72
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Á Châu là một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất tại Việt Nam, tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân và DN/VN.

Chuyên viên phân tích

Lê Anh Tùng, CFA

Chuyên viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.leanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4876

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

ĐHCĐTN năm 2023: Kế hoạch kinh doanh sát dự báo

- ACB đã tổ chức ĐHCĐTN vào ngày 13/4 và đặt kế hoạch LNTT 20.058 tỷ đồng (tăng trưởng 17,2%), sát với dự báo của HSC là 20.094 tỷ đồng (tăng trưởng 17,4%).
- KQKD Q1/2023 sát kỳ vọng với LNTT tăng 24% đạt 5.120 tỷ đồng nhưng tín dụng giảm 0,6% so với đầu năm.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 32.300đ. Hiện ACB có P/B dự phóng năm 2023 là 1,13 lần; cao hơn 15% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân.

Sự kiện: ĐHCĐTN năm 2023 diễn ra vào ngày 13/4

ACB đã tổ chức ĐHCĐTN vào ngày 13/4/2023. Cổ đông đã tham dự đông đủ và thông qua toàn bộ các tờ trình.

Kế hoạch kinh doanh năm 2023 sát với dự báo của HSC

Những chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

- Tăng trưởng tín dụng đạt 10% (so với 14,3% trong năm 2022), dựa trên hạn mức được NHNN giao ban đầu.
- LNTT đạt 20.058 tỷ đồng (tăng trưởng 17,2%), sát với dự báo hiện tại của HSC là 20.094 tỷ đồng (tăng trưởng 17,4%).
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 2% (năm 2022: 0,74%).
- Trong tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022, Ngân hàng đề xuất chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% và cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10%. ACB cũng đặt kế hoạch chi trả cổ tức tương tự cho năm 2023, gồm 15% cổ tức bằng cổ phiếu và 10% cổ tức bằng tiền mặt, sẽ được thực hiện trong năm 2024.

KQKD sơ bộ Q1/2023: lợi nhuận tăng mạnh mặc dù tăng trưởng tín dụng kém

ACB đã công bố KQKD sơ bộ Q1/2023 sát với ước tính của HSC. Những thông tin chính gồm:

- LNTT đạt 5.120 tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ), sát với kỳ vọng và bằng 26% dự báo của chúng tôi cho cả năm 2023. Đáng chú ý là các khoản hoàn nhập dự phòng đã đóng góp đáng kể vào lợi nhuận.
- Tăng trưởng tín dụng kém với tín dụng giảm 0,6% so với đầu năm trong điều kiện vĩ mô không thuận lợi. Tuy nhiên ban lãnh đạo lạc quan về khả năng đạt được mục tiêu tăng trưởng tín dụng cho năm nay và ước tính tín dụng đã hồi phục mạnh trong tháng 3.
- Tỷ lệ nợ xấu (cộng thêm CIC) tăng lên 0,94% (so với 0,74% tại thời điểm cuối năm 2022). Ban lãnh đạo đặt mục tiêu giữ tỷ lệ nợ xấu dưới 1% trong năm 2023.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 13/4.

Bảng 1: KHKD năm 2023, ACB

Tỷ đồng	2022	Tăng trưởng	Kế hoạch 2023	Tăng trưởng	Dự báo của HSC	Tăng trưởng
Cho vay	413,706	14.3%	453,836	9.7%	475,762	15.0%
Tiền gửi KH	458,257	11.6%	495,836	8.2%	503,803	9.9%
Tổng tài sản	607,875	15.2%	669,788	10.2%	683,455	12.4%
Tỷ lệ nợ xấu	0.74%		<2%		0.95%	
LNTT	17,114	42.6%	20,058	17.2%	20,094	17.4%

Nguồn: ACB, HSC

KQKD sơ bộ Q1/2023: lợi nhuận tăng mạnh mặc dù tăng trưởng tín dụng

HSC duy trì dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu dựa trên phương pháp thu nhập thặng dư (32.300đ). Hiện ACB có P/B dự phóng năm 2023 là 1,13 lần; cao hơn 15% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Thu nhập lãi	33,714	40,699	48,195	52,279	59,051
Chi phí lãi	(14,769)	(17,165)	(21,546)	(22,539)	(24,360)
Thu nhập lãi thuần	18,945	23,534	26,649	29,739	34,691
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2,894	3,526	4,192	4,935	6,076
Lãi thuần HĐ KDNH	872	1,048	1,237	1,460	1,547
Lãi/lỗ từ mua bán CK	694	(367)	392	540	748
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	20.2	59.5	41.6	45.8	50.4
Thu nhập khác	139	990	792	911	865
Tổng thu nhập HĐ	23,564	28,790	33,303	37,630	43,978
Chi phí HĐ	(8,230)	(11,605)	(11,986)	(12,840)	(14,847)
LN trước dự phòng	15,334	17,185	21,317	24,790	29,131
Chi phí dự phòng	(3,336)	(70.8)	(1,223)	(2,301)	(2,659)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	11,998	17,114	20,094	22,488	26,472
Chi phí thuế TNDN	(2,395)	(3,426)	(4,022)	(4,502)	(5,299)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	9,603	13,688	16,071	17,987	21,173
EPS (đồng)	2,799	4,008	4,706	5,267	6,200
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,377	3,377	3,377	3,377	3,377
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,377	3,377	3,377	3,377	3,377
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,377	3,377	3,377	3,377	3,377

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	7,510	8,461	9,305	10,805	12,594
Tiền gửi tại NHNN	32,350	13,658	18,211	37,004	43,133
Tiền gửi tại các TCTD khác	49,819	85,971	92,694	100,355	128,872
Chứng khoán kinh doanh	11,260	1,131	1,366	1,586	1,849
Các công cụ tài chính phái sinh	227	100	110	128	149
Số dư cho vay thuần	356,051	408,857	470,641	541,072	627,857
Tổng dư nợ cho vay	361,913	413,706	475,762	547,127	634,667
Dự phòng rủi ro	(5,862)	(4,850)	(5,121)	(6,055)	(6,810)
Chứng khoán đầu tư	59,475	75,535	76,486	81,408	94,892
CK đầu tư sẵn sàng để bán	9,740	31,855	32,256	34,332	40,018
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	49,743	43,680	44,230	47,076	54,874
Dự phòng rủi ro	(8.01)	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	172	147	162	178	195
Tài sản cố định	3,979	4,158	4,326	4,667	5,035
Tài sản khác	6,929	9,858	10,153	11,169	12,285
Tổng tài sản	527,770	607,875	683,455	788,370	926,860
Nợ phải trả	482,869	549,437	609,121	696,247	813,796
Tiền gửi của NHNN	0	506	582	669	776
Tiền gửi của các TCTD khác	54,394	67,841	80,880	84,805	111,067
Tổng tiền gửi KH	379,921	413,953	455,275	528,625	616,181
Trái phiếu và CCTG	30,548	44,304	48,528	51,977	57,120
Nợ khác	17,920	22,772	23,788	30,092	28,560
Vốn chủ sở hữu	44,901	58,439	74,334	92,123	113,064
Thặng dư vốn cổ phần	27,019	33,774	33,774	33,774	33,774
Thặng dư vốn cổ phần	272	272	272	272	272
Lợi nhuận giữ lại	10,445	15,172	28,654	43,742	61,503
Quỹ & vốn khác của CSH	7,164	9,220	11,634	14,335	17,515
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	527,770	607,875	683,455	788,370	926,860
BVPS (đồng)	13,294	17,303	22,009	27,276	33,476

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	18.7	15.2	12.4	15.4	17.6
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.2	14.3	15.0	15.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	7.57	8.96	9.98	16.1	16.6
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	9.39	11.6	9.94	15.2	16.0
Tăng trưởng VCSH (%)	26.7	30.2	27.2	23.9	22.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	29.9	24.2	13.2	11.6	16.7
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	7.94	41.0	3.28	7.13	15.6
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	45.5	12.1	24.0	16.3	17.5
Tăng trưởng LNTT (%)	25.0	42.6	17.4	11.9	17.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	25.0	42.5	17.4	11.9	17.7

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.85	5.07	5.16	5.11	5.13
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.69)	(2.04)	(1.86)	(1.74)	(1.73)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	91.9	93.1	94.6	93.5	92.7
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.05	2.21	2.45	2.67	2.91
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	25.2	35.9	42.0	47.0	55.3
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.88	6.20	5.28	4.72	4.01
P/B (lần)	1.87	1.44	1.13	0.91	0.74
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	40.8	47.5	48.3	47.8	48.1
ROAA (%)	1.98	2.41	2.49	2.44	2.47
ROAE (%)	23.9	26.5	24.2	21.6	20.6
Chi phí huy động BQ (%)	3.42	3.46	3.88	3.60	3.36
Lợi suất gộp BQ (%)	7.54	7.70	7.89	7.60	7.43
Lợi suất thuần (%)	4.12	4.23	4.01	4.00	4.07
Tỷ lệ NIM (%)	4.24	4.45	4.36	4.32	4.36
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	12.3	12.2	12.6	13.1	13.8
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	80.4	81.7	80.0	79.0	78.9
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	19.6	18.3	20.0	21.0	21.1
Tỷ lệ CIR (%)	34.9	40.3	36.0	34.1	33.8
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.2	12.8	12.9	13.0	13.2
VCSH/Tổng TS (%)	8.51	9.61	10.9	11.7	12.2
Đòn bẩy vốn (lần)	11.8	10.4	9.19	8.56	8.20
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.77	0.74	0.95	1.05	0.95
Hệ số LLR (%)	209	159	113	105	113
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	95.3	99.9	105	104	103
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	11.7	12.9	13.8	12.7	14.2
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	68.6	68.1	69.6	69.4	68.5

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	381	381	383	383	383
Số lượng nhân viên	11,497	13,035	13,584	14,082	15,098

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn